

Số: 42/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 27/6/2019
V/v: “*Tranh chấp về ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NT, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Hồng Minh**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Hồng**
Bà **Nguyễn Thị Xuân Tâm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Hồng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố NT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT tham gia phiên tòa: bà **Nguyễn Thị Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố NT mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình, thụ lý số 141/2019/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11/6/2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị M**, sinh năm 1993

Địa chỉ: 24 S, phường V, thành phố NT. Có mặt

* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Tấn T**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số 10 N, phường V, thành phố NT. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/02/2019, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày:

Bà và ông Nguyễn Tấn T kết hôn năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, theo giấy chứng nhận kết hôn số 20/2016 ngày 15/3/2016. Sau khi đăng ký kết hôn bà và ông chung sống với ông T tại Tp. NT, thời gian đầu cả hai cùng đi làm công việc ổn định cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, sau khi bà sinh con xong thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Những lúc xảy ra mâu thuẫn cãi vã ông T thường xuyên chửi bới đánh đập bà trước sự chứng kiến của mẹ chồng và chị ruột. Hiện nay bà và ông T cùng sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm

đến ai. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Minh T, sinh ngày 22/3/2017. Sau khi ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu T. Bà yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 02/4/2019, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Tấn Thịnh trình bày:*

Ông và bà M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn như lời trình bày của bà M. Quá trình chung sống, ông T thừa nhận giữa ông và bà M có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau do bất đồng quan điểm. Tuy nhiên, ông nhận thấy đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ vợ chồng hàng ngày không đến mức phải ly hôn. Nên nay bà M yêu cầu ly hôn ông không đồng ý vì ông vẫn đang còn rất thương yêu vợ con.

Về con chung: Ông và bà M có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Minh T, sinh ngày 22/3/2017. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà Lê Thị M trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) kể từ tháng 6/2019 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên nhận định: Tòa án nhân dân thành phố NT thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung, giao con chung cháu Nguyễn Lê Minh T, sinh ngày 22/3/2017 cho bà Lê Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Tấn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 6/2019 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: bà M và ông T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí, quyền kháng cáo: giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: bà M và ông T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị M và ông Nguyễn Tấn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 20/2016 ngày 15/3/2016. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa bà M và ông T đều thừa nhận giữa ông bà đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Bà M cho rằng trong cuộc sống vợ chồng bà không được tôn trọng vì ông T thường lăng mạ, sỉ nhục và đánh đập bà. Bà cảm thấy cuộc hôn nhân này không hạnh phúc nên muốn được ly hôn.

Như vậy, mâu thuẫn giữa ông T và bà M là có thật. Mặc dù ông không đồng ý ly hôn với lý do đang còn tình cảm với bà, tuy nhiên ông T cũng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà M và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu cứ tiếp tục duy trì cuộc sống gia đình thì cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà M là chính đáng, có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] *Về con chung:* Bà Lê Thị M và ông Nguyễn Tấn T có 01 con chung là: cháu Nguyễn Lê Minh T, sinh ngày 22/3/2017. Nguyên vọng của bà M là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Thu. Hiện nay cháu T cũng đang còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc, quan tâm của người mẹ nhiều hơn. Ông Thịnh đồng ý giao con chung cho bà Lê Thị M trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 6/2019 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Đây là ý chí tự nguyện của các bên và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung:* Bà Lê Thị M và ông Nguyễn Tấn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí:* Bà Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và ông Nguyễn Tấn T phải chịu án phí DSST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28, khoản 4 Điều 147; Điều 271, và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Lê Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T.*

2. *Về con chung:* Giao con chung là cháu Nguyễn Lê Minh T, sinh ngày 22/3/2017 cho bà Lê Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Tấn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng/tháng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 6/2019 cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

Ông Nguyễn Tấn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Lê Thị M và ông Nguyễn Tấn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quy định: *Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.*

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. *Về án phí:* Bà Lê Thị M phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0010896 ngày 11/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố NT. Bà M đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông Nguyễn Tấn T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
 - VKSND TP.NT;
 - Chi cục THA.DS TP.NT;
 - Người tham gia tố tụng;
 - UBND N, Tx N, Khánh Hòa,
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 20/2016,
Ngày 15/3/2016)
- Lưu án văn, hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Minh